

NGHỊ QUYẾT

ĐỊNH HƯỚNG DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN

Nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2010 - 2015 với trọng tâm là nâng cao chất lượng đào tạo, Đảng ủy thống nhất ban hành Nghị quyết về định hướng duy trì và phát triển các chuyên ngành thủy sản với các nội dung chính như sau:

I. Đánh giá thực trạng đào tạo các chuyên ngành thủy sản của Trường đại học Nha Trang trong những năm gần đây.

Trường Đại học Nha Trang có trên 50 năm đào tạo nguồn nhân lực cho ngành thủy sản ở trình độ đại học và hơn 20 năm đào tạo trình độ sau đại học, đóng góp đáng kể cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong xu hướng phát triển và hội nhập của nền kinh tế quốc gia, sự giảm sút về quy mô đào tạo ở các ngành truyền thống là quy luật khó tránh khỏi. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, sinh viên có nhiều sự lựa chọn hơn về ngành học cũng như mong muốn chọn các ngành nghề theo xu thế thị trường đang cần. Có thể nói các ngành nghề thuộc khối Nông Lâm Ngư không còn sức hấp dẫn người học như trước đây, thay vào đó sinh viên thích chọn các ngành nghề mang tính "thời đại" hơn như tài chính, kế toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh.

Việt Nam là một quốc gia ven biển, có đường bờ biển dài và tiềm năng lớn về kinh tế biển. Vì vậy việc duy trì và định hướng phát triển các ngành nghề thủy sản là rất cần thiết và cấp bách hiện nay, trong đó vai trò của trường ĐH Nha Trang trong đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật chiếm vị trí rất quan trọng, góp phần cho sự phát triển ổn định ngành thủy sản của nước nhà.

Trong những năm gần đây, số thí sinh đăng ký dự thi và học các ngành thủy sản truyền thống ở trường ta có xu hướng giảm sút. Dự báo trong những năm tiếp theo, số lượng thí sinh đăng ký vào học các ngành này cũng sẽ không tăng lên đáng kể. Đặc biệt ở một số ngành và chuyên ngành hẹp như: Kỹ thuật khai thác thủy sản, Điều khiển tàu biển, Bệnh học thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản; khả năng tuyển sinh trong 3 năm qua gần như không có.

Một số ngành có số sinh viên không ổn định như Kinh tế thủy sản, nay đổi là ngành Kinh tế nông nghiệp, với chuyên ngành Kinh tế và quản lý thủy sản. Một số ngành khác như Bệnh học thủy sản và Quản lý nguồn lợi thủy sản, động lực tàu thủy cũng không tuyển được sinh viên.

Bảng 1: Số liệu thống kê tuyển sinh các ngành thủy sản truyền thống hệ đại học

TT	Ngành/chuyên ngành truyền thống	2006 (K48)	2007 (K49)	2008 (K50)	2009 (K51)	2010 (K52)	2011 (K53)	2012 *(K54)
1	Kỹ thuật khai thác thủy sản	0	47	0	15	0	0	41
2	Khoa học hàng hải	28	49	14	0	0	0	88
3	Nuôi trồng thủy sản	176	136	131	62	38	75	364

TT	Ngành/chuyên ngành truyền thống	2006 (K48)	2007 (K49)	2008 (K50)	2009 (K51)	2010 (K52)	2011 (K53)	2012 *(K54)
4	Bệnh học thủy sản	0	19	23	0	0	0	24
5	Quản lý nguồn lợi thủy sản	0	19	47	0	0	0	72
6	Công nghệ chế biến thủy sản	107	67	67	41	65	151	582
7	Động lực tàu thủy	29	0	54	38	0	0	272
8	Kinh tế Nông nghiệp	28	27	0	25	128	0	113

Nguồn: Phòng đào tạo

** Số lượng đăng ký dự thi 2012*

II. Nguyên nhân suy giảm số sinh viên theo học các chuyên ngành thủy sản.

Thực tế cho thấy, sự giảm sút sinh viên vào các chuyên ngành thủy sản xuất phát từ các nguyên nhân chính như sau:

- Tâm lý của xã hội nói chung và của người học nói riêng khi xem những ngành học có liên quan ngành “thủy sản” thường sẽ gắn liền với các công việc nặng nhọc, mức độ nguy hiểm và rủi ro cao, thu nhập thấp nên đã không còn sức hấp dẫn như đối với các ngành học thời thượng khác. Ngược lại, một số ngành nghề khác có sức hấp dẫn hơn, đầu ra mở rộng cho vấn đề kiếm việc làm hơn đã thu hút nhiều sinh viên theo học.
- Sự phát triển của một số Trường có đào tạo các chuyên ngành thủy sản cũng đã thu hút một số lượng đáng kể các thí sinh có nguyện vọng vào học các chuyên ngành thủy sản. Ví dụ, sự phát triển của Khoa Thủy sản Trường Đại học Cần Thơ, khoa Thủy sản của đại học Nông nghiệp Hà Nội, đại học Vinh, đại học Nông Lâm Huế, TP HCM, đại học An Giang, ... đã ảnh hưởng đáng kể đến số lượng thí sinh ở thi vào Trường ta.
- Nhiều trường đại học, cao đẳng mở ra trong cả nước, xu thế sự lựa chọn học gần nhà, học nghề dễ xin việc đang là xu hướng chung, ít nhiều ảnh hưởng đến số lượng tuyển sinh các chuyên ngành thủy sản hàng năm ở trường ta
- Không còn các doanh nghiệp quốc doanh, không có các tập đoàn khai thác cá hiện đại, thay vào đó là các đội tàu khai thác tư nhân phát triển tự phát, quy mô nhỏ, kỹ thuật lạc hậu (không có nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao) dẫn đến nhu cầu thuyền trưởng, máy trưởng giảm. Điều này gây khó khăn cho đầu ra ngành Khai thác thủy sản.
- Các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài hiện nay kinh doanh đa lĩnh vực, đa ngành nghề: từ nuôi trồng, chế biến đến marketing và xuất khẩu, tạo thành vòng /chuỗi khép kín. Việc làm ở các doanh nghiệp thường chỉ mang tính thủ công, chưa đòi hỏi trình độ kỹ thuật quá chuyên sâu hay công nghệ hiện đại ... Vì vậy, chỉ cần sử dụng nhân lực có chuyên môn rộng (không cần quá chuyên sâu), đặc biệt đối với các vị trí lãnh đạo thì năng lực quản lý được ưu tiên hơn.
- Ở tầm vĩ mô, sự sát nhập Bộ thủy sản và các sở thủy sản vào Bộ Nông nghiệp và các Sở Nông nghiệp, sự thay đổi tên trường Đại học Thủy sản thành Trường Đại học Nha Trang cùng với sự chậm thay đổi và thiếu năng động của cả ngành thủy sản đã tác động đáng kể đến tương lai của cả ngành.
- Trong những năm qua, ngành thủy sản nước ta gặp nhiều khó khăn. Sản lượng thủy sản (nuôi trồng và khai thác) là giảm so với những năm trước.²

Nhiều doanh nghiệp thủy sản bị thua lỗ, thậm chí giải thể, tác động của những hiện tượng xã hội đối với một số ngành như Vinashin, Vinalines, dẫn đến số lao động thất nghiệp tăng lên. Trước tấm gương những người đi trước học ngành thủy sản ra đang phải lao đao tìm công việc bất kỳ để tồn tại, làm cho học sinh không ham muốn đăng ký thi vào ngành này.

- Trình độ sản xuất, việc làm ở một số chuyên ngành thủy sản hiện vẫn còn mang nặng tính kinh nghiệm, lao động vẫn mang nặng tính thủ công, ít có nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao nên việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành thủy sản không còn nhiều. Với tính chất là nghề cá nhân dân, tự phát, manh mún, kéo theo nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực trình độ cao về chuyên ngành thủy sản để làm việc trong doanh nghiệp thủy sản cũng không có nhiều. Điều này gây nhiều khó khăn cho cơ hội tìm kiếm việc làm của các sinh viên chuyên ngành thủy sản, do đó đã ảnh hưởng đáng kể đến số lượng thí sinh học các chuyên ngành này.
- Chương trình đào tạo, chất lượng đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu của một số ngành đào tạo, nhất là đối với các chuyên ngành đòi hỏi phải có đội tàu nghiên cứu và thực hành như ngành Khai thác thủy sản, Khoa học hàng hải, điều tra nguồn lợi, thủy sản,
- Nhà nước chưa có chính sách ưu tiên đặc thù cho việc phát triển các chuyên ngành thủy sản, các chuyên ngành khó tuyển.

III. Định hướng và giải pháp để duy trì và phát triển các chuyên ngành thủy sản.

Định hướng để duy trì và phát triển đào tạo các chuyên ngành thủy sản cũng không ngoài mục đích phục vụ Chiến lược phát triển thủy sản của đất nước đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

1. Quan điểm chỉ đạo:

- Phát triển thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hóa, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế, trên cơ sở phát huy lợi thế của một ngành sản xuất – khai thác tài nguyên tái tạo, lợi thế của nghề cá nhiệt đới, chuyển nghề cá nhân dân thành nghề cá hiện đại, tạo sự phát triển đồng bộ, đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển và giàu lên từ biển.
- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề cá, gắn với việc tổ chức lại sản xuất ngành thủy sản ở tất cả các lĩnh vực: khai thác, nuôi trồng, cơ khí hậu cần dịch vụ và chế biến thủy sản theo chuỗi giá trị sản phẩm từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ, nhằm nâng cao hiệu quả tối ưu cho sản phẩm thủy sản Việt Nam. Hình thành các trung tâm nghề cá lớn ở Vịnh Bắc bộ, duyên hải miền Trung, Đông Nam bộ, Tây Nam bộ gắn với các ngư trường trọng điểm.
- Nâng cao mức sống, điều kiện sống của cộng đồng ngư dân và đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho nghề cá vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển thủy sản. Xác định nông, ngư dân và doanh nghiệp là chủ thể chính của sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự gắn kết lợi ích giữa nông dân, ngư dân và doanh nghiệp là khâu đột phá trong quá trình đổi mới ngành thủy sản. Tiếp tục bố trí, sắp xếp lại dân cư và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa làng cá là yêu cầu quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

- Phát triển thủy sản theo hướng chất lượng và bền vững, trên cơ sở giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa nâng cao giá trị gia tăng với đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi và an sinh xã hội; chủ động thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu; đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa phát triển thủy sản với góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh quốc phòng trên các vùng biển.
- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản trên cơ sở tiếp cận khoa học về quản lý tổng hợp nghề cá có sự tham gia của cộng đồng và mối quan hệ tương hỗ với các ngành kinh tế khác nhằm phát triển thủy sản và xã hội nghề cá bền vững.

2. Mục tiêu phát triển thủy sản đến năm 2020:

- ✚ Ngành thủy sản cơ bản được công nghiệp hóa – hiện đại hoá và tiếp tục phát triển toàn diện theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Đồng thời từng bước nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của ngư dân, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và quốc phòng, an ninh vùng biển, đảo của Tổ quốc.
- ✚ Kinh tế thủy sản đóng góp 30 - 35% GDP trong khối nông - lâm - ngư nghiệp, tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành thủy sản từ 8 - 10%/năm. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 8 - 9 tỷ USD. Tổng sản lượng thủy sản đạt 6,5 đến 7 triệu tấn, trong đó nuôi trồng chiếm 65 - 70% tổng sản lượng.
- ✚ Tạo việc làm cho 5,0 triệu lao động nghề cá có thu nhập bình quân đầu người cao gấp 3 lần so với hiện nay; trên 40% tổng số lao động nghề cá qua đào tạo. Xây dựng các làng cá ven biển, hải đảo thành các cộng đồng dân cư giàu truyền thống tương thân, tương ái, có đời sống văn hóa tinh thần đậm đà bản sắc riêng.

3. Định hướng và giải pháp duy trì & phát triển các chuyên ngành thủy sản của trường đại học Nha Trang:

Trên cơ sở những quan điểm chỉ đạo và mục tiêu đặt ra cho việc phát triển thủy sản của đất nước, việc đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu trên cần tập trung vào các định hướng như sau:

- Đổi mới chương trình, mở rộng loại hình, cấp độ đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đa dạng và phong phú của nghề cá Việt Nam.
- Đào tạo gắn kết với các doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, đào tạo mang tính ứng dụng và tính thực tế cao.
- Đào tạo linh hoạt và liên thông giữa các chuyên ngành thủy sản, tạo nhiều cơ hội cho sinh viên có thể trang bị kiến thức đa ngành, khả năng làm việc vừa rộng vừa sâu, dễ hòa nhập với môi trường hoạt động (tùy theo mức độ liên thông, có thể học thêm từ 6 đến 18 tháng để lấy bằng thứ 2).
- Xã hội hóa trong việc đào tạo lao động nghề cá, hướng tới đào tạo theo địa chỉ sử dụng, theo công việc cụ thể và theo nhu cầu thị trường.
- Có chính sách ưu tiên đối với đào tạo nguồn nhân lực hoạt động nghề cá trên biển, đặc biệt là các cán bộ khoa học nghiên cứu cơ bản, nguồn lợi, khai thác, cơ khí, đăng kiểm tàu cá (Kiến nghị về chính sách vĩ mô của Nhà nước)

- Trang bị cơ sở vật chất đủ mạnh phục vụ đào tạo và NCKH trên biển, áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường để giảm thiểu và xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất của ngành thủy sản.
- Tiếp tục phát triển các hình thức hợp tác, liên doanh trong các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, cơ khí, hậu cần dịch vụ, chế biến, thương mại thủy sản với các nước trong khu vực và quốc tế (học cách làm ăn lớn, đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề cá).
- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo cán bộ có trình độ cao cho ngành thủy sản, trong ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao: khai thác hải sản, công nghệ sản xuất giống sạch bệnh, lai tạo giống mới, công nghệ nuôi biển, nuôi công nghiệp, sản xuất thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, xử lý chất thải, cải tạo môi trường và phòng ngừa dịch bệnh...

4. Các giải pháp:

Từ việc phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng đến số lượng thí sinh theo học những chuyên ngành thủy sản, có thể đề xuất một số giải pháp cơ bản sau.

4.1. Nhóm giải pháp về mặt chính sách:

- Mở rộng khối tuyển sinh cho tất cả các chuyên ngành thủy sản.
- Chính sách đãi ngộ sinh viên thông qua giảm học phí, hỗ trợ chỗ ở KTX.
- Gọi nguyện vọng 2 vào học các chuyên ngành thủy sản truyền thống ngay từ lần gọi nhập học đợt đầu.
- Phối hợp với các địa phương đào tạo theo chế độ cử tuyển đối với con em của các ngư dân thực sự yêu nghề.
- Quan tâm và đầu tư nhiều hơn đến công tác quảng bá tuyển sinh, đặc biệt chú trọng giới thiệu tính đặc thù, hấp dẫn của ngành nghề, tính chất công việc sau khi ra trường cũng như phổ biến được những định hướng phát triển kinh tế biển của Nhà nước và địa phương ngay tại những cơ sở, địa phương có ngành nghề thủy sản phát triển.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý ngành thủy sản, các doanh nghiệp để có thể tác động vào những chủ trương, chính sách của ngành ở tầm vĩ mô nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo và cho sinh viên theo học những chuyên ngành thủy sản truyền thống.
- Tăng cường hợp tác quốc tế và trong nước về đào tạo và KHCN nhằm tạo cơ hội cho sinh viên chuyên ngành thủy sản học tập, tu nghiệp ở các nước tiên tiến.

4.2. Nhóm giải pháp về mặt quản lý:

- **Tái cơ cấu ngành nghề đào tạo:** Quy hoạch lại các ngành đào tạo, ngành nào cần duy trì, phát triển hoặc ngành nào không còn phù hợp thì cần đổi tên cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế. Ngành khai thác thủy sản có thể đổi thành khai thác và quản lý nguồn lợi thủy sản, hoặc hàng hải khai thác như trước đây, Ngành Bệnh học thủy sản có thể gắn với môi trường, nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản.
- **Xây dựng các chương trình liên thông:** Xây dựng các chương trình giáo dục có tính liên thông cao giữa các chuyên ngành thủy sản, bảo đảm sự chuyển đổi thuận lợi cho người học.

4.3. Nhóm giải pháp về xã hội hóa đào tạo:

- Mở các lớp ngắn hạn theo chuyên đề thiết thực mà người sử dụng yêu cầu.

- Đào tạo theo đơn đặt hàng của Tổng cục Thủy sản, Sở thủy sản của các tỉnh; Các doanh nghiệp thủy sản; đào tạo theo địa chỉ, theo nhu cầu; đào tạo lại, đào tạo bằng 2, đào tạo liên thông.
- Liên kết với các trường nước ngoài mà các Khoa đã có hợp tác trong đào tạo SDH và NCKH để đào tạo hai bằng, hoặc bằng 2 của trường nước ngoài về các chuyên ngành thủy sản. Tạo cơ hội cho sinh viên có thể tu nghiệp các khóa học khác nhau ở nước ngoài.

4.4. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng đào tạo:

- Quy hoạch, chuẩn hóa và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao, có công trình khoa học thông qua các sản phẩm khoa học như bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín, giáo trình, tài liệu tham khảo, đề tài, dự án chuyển giao vào sản xuất, các dịch vụ khoa học.
- Tăng cường vai trò của nhà trường đối với xã hội và cộng đồng thông qua việc chủ động, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề mang tính thời sự, cấp thiết.
- Củng cố và xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm đạt chuẩn khu vực, xây dựng đội tàu nghiên cứu và huấn luyện trên biển cho các chuyên ngành thủy sản.
- Thường xuyên nâng cao chất lượng bài giảng, cập nhật các chương trình tiên tiến, chương trình chi tiết học phần, cải thiện cơ sở vật chất trung tâm thí nghiệm thực hành.

Nghị quyết được phổ biến tới các chi bộ, đơn vị và Ban Thường vụ các đoàn thể trong Trường.

Nơi nhận:

- Các đ/c đảng ủy viên, BGH;
- Các chi bộ, đơn vị;
- BTV Công đoàn, ĐTN, HSV, Hội CCB;
- Lưu VPĐU.

